TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 331/2023/DS-PT Ngày 13 – 6 - 2023 V/v Tranh chấp"Hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 578/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đặng Minh T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 50/41G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Văn C, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 84L, phường B, thành phố T, tỉnh Long An

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V, Chi nhánh Tiền Giang - Phòng giao dịch C.

Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Ngọc Th, sinh năm 1984 - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn anh Đặng Minh T trình bày*: Ông T và ông Nguyễn Văn H có quan hệ quen biết khách hàng, vì trước đây ông H có vay tiền ở Ngân hàng nơi ông T công tác. Vào năm 2018 thì ông T có một hoặc hai lần cho ông H vay tiền, ông H đã trả nợ đầy đủ nên sau đó ông H có hỏi vay tiền để làm ăn, trả nợ vì vay của cá nhân bên ngoài thì lãi suất cao nên ông T tin tưởng và có cho ông H vay tiền làm 03 lần, cụ thể:

- Lần 1 vào khoảng giữa tháng 02/2019, ông H có vay của ông T số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, không có làm biên nhận. Thời hạn vay 12 tháng.

- Lần 2 vào đầu tháng 3/2019, ông H tiếp tục vay của ông T thêm số tiền 300.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, không có làm biên nhận. Thời hạn vay 12 tháng.

Sau khi nhận tiền, đến ngày 05/3/2019 thì các bên có đến Văn phòng Công chứng C làm hợp đồng vay tiền của hai lần trên với số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, trong hợp đồng không có thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận miệng 3%/tháng. Sau khi làm hợp đồng thì ông H có trả lãi đầy đủ đến hết tháng 9/2019 thì không trả lãi nữa.

- Lần 3 vào cuối tháng 4/2019 thì ông H hỏi vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Hai bên có đến Văn phòng Công chứng C để làm hợp đồng không thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận miệng 3%/tháng. Ông H không trả vốn, có trả lãi đầy đủ đến hết tháng 9/2019.

Từ tháng 10/2019 thì ông H không trả lãi cho ông T, ông có tìm ông H để đòi tiền vốn và lãi nhưng ông H cứ hứa trả hết trong năm 2020 tuy nhiên đến nay ông H vẫn chưa thanh toán số tiền nào.

Đến tháng 3/2020 ông T có ký giấy ủy quyền cho Công ty Cổ phần dịch vụ đòi nợ Hoàng P để thực hiện việc đòi nợ 900.000.000 đồng gồm 600.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 và 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 số tiền 50.000.000 đồng và ngày 08/01/2019 số tiền 250.000.000 đồng nhưng Công ty cũng không thu hồi được nên ông T đã hủy hợp đồng ủy quyền.

Ngày 16/11/2020 ông T có gặp ông H ở Ngân hàng Đ, tại đây ông H có làm biên nhận nợ 1.200.000.000 đồng bằng văn bản đánh máy vì ông H cho rằng viết chữ yếu, ông T có đọc lại nội dung cho ông H và vợ nghe thống nhất nội dung, vợ chồng ông H hứa trả và cùng ký tên. Tuy nhiên đến nay ông vẫn không nhận được số tiền nào từ ông H và vợ.

Nay ông T yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ là 1.100.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi trên vốn gốc với lãi suất 1,66% từ tháng 10/2019 cho đến ngày xét xử.

** Đại diện uỷ quyền của bị đơn ông Trần Văn C trình bày*: Từ năm 2018 ông H có vay tiền của ông T nhiều lần với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, ông H không nhớ có làm biên nhận hay không, được biết số tiền này do ông T vay của những người khác để cho ông H vay lại, ông H trả nợ lãi và gốc trực tiếp cho ông T. Tính đến ngày 05/3/2019 ông H chỉ còn nợ ông T 600.000.000 đồng nên các bên có đến Văn phòng công chứng C làm hợp đồng vay để xác định lại số tiền còn nợ lại từ năm 2018, tuy nhiên hợp đồng không có thoả thuận lãi, chỉ thoả thuận miệng là 5%/tháng. Từ ngày làm hợp đồng thì ông H không trả được khoản vốn và lãi nào cho ông T. Ngoài hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 thì ông H xác định có giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 và ngày 08/01/2019 nhưng ông H không cung cấp được và không nhớ rõ các khoản vay từ 02 giấy mượn tiền này.

Đối với giấy nhận nợ ngày 16/11/2020, ông H có gặp ông T đi cùng một số người khác ở M buộc ông phải ký giấy nhận nợ trên 01 tỷ đồng nên ông H có ký tên vào giấy này.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 số tiền 500.000.000 đồng thì ông H xác định là ông có ký tên nhưng không có nhận tiền. Như vậy theo hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 ông H còn nợ 600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Còn số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019, ông H không có nhận tiền nên không đồng ý trả.

* Bản án sơ thẩm số 317/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh T.

* Bản án phúc thẩm số 65/2022/DS-PT ngày 30/3/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử: Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 317/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của Toà án nhân dân huyện C. Chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định.

* Ngày 07/11/2022, nguyên đơn Đặng Minh T có đơn về việc giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Nguyễn Văn H thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi vay theo hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng C chứng nhận ngày 05/3/2019, số công chứng 1809, quyển số 01/2019TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng công chứng C chứng nhận ngày 25/4/2019, số công chứng 3533, quyển số 01/2019TP/CC-SCC/HĐGD.

** Tại văn bản số 01/2022/TB-LVB.CT ngày 18/7/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên V trình bày*: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L

đã thực hiện thế chấp tài sản là thửa đất số 2445 và 2447 tờ bản đồ số 2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp số HDDTC51B202067 ngày 16/11/2020 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C chứng nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất vào ngày 17/11/2020. Ông H và bà L đã thực hiện thế chấp tài sản trước khi Tòa án ra quyết định Áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2020. Trường hợp này là án dân sự của cá nhân ông H, do đó ngân hàng có ý kiến không tham gia về việc tranh chấp và không tham gia tố tụng đối với vụ án dân sự của ông Nguyễn Văn H.

* Tại đơn ngày 24/11/2022 đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Văn H trình bày: ông vẫn giữ nguyên lời khai như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện trước đây, ông xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại các phiên toà khi giải quyết vụ kiện nói trên.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, và tiền lãi theo lãi suất 20%/năm trên số tiền vốn từ tháng 10/2019 cho đến ngày xét xử. Ông T thay đổi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là ông Nguyễn Văn H quy định tại khoản 11 điều 124 và điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự, chỉ yêu cầu đối với thửa đất số 1266, tờ bản đồ số 3 diện tích 678m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00027 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/01/2016, thửa đất toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 137, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Minh T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Đặng Minh T số tiền 1.743.666.652 đồng (một tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 17 tháng 02 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề ngày 03/02/2023 đối với bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Xác định ông Nguyễn Văn H chỉ còn nợ ông T số tiền gốc là 700.000.000 đồng.

- Yêu cầu hủy bỏ quyết định khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT đối với thửa đất số 1266, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ngày 03/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (là người kháng cáo) có đề nghị vắng mặt phiên tòa phúc thẩm và giữ nguyên ý kiến cũng như lời trình bày trước đây có trong hồ sơ vụ án.

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đối với số tiền vay, cấp sơ thẩm xác định là 1.100.000.000 đồng là có cơ sở. Về lãi suất vay, do hai bên đương sự có lời khai không thống nhất về mức lãi suất vay và có tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lại số tiền lãi phải trả đối với số tiền vay 1.100.000.000 đồng. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Trần Văn C có đơn đề nghị vắng mặt phiên tòa phúc thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia phiên tòa; Đại diện Ngân hàng có đơn yêu cầu không tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vay 1.100.000.000 đồng theo 02 hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 với số tiền vay là 600.000.000 đồng (BL 14) và ngày 25/4/2019 với số tiền vay là 500.000.000 đồng (BL 16). Đồng

thời, ông T còn xuất trình chứng cứ là giấy nhận nợ ngày 16/11/2020 với số tiền 1.200.000.000 đồng (BL 66).

Ông H thừa nhận chữ ký tên trong 02 hợp đồng vay tiền và giấy nhận nợ nêu trên, nhưng khai nại: hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 ông H có ký tên nhưng không nhận số tiền vay, đối với giấy nhận nợ ngày 16/11/2020 ông H ký do bị ép buộc. Nhận thấy, giấy nhận nợ ngày 16/11/2020 với số tiền 1.200.000.000 đồng chứng minh cho số tiền vay tổng kết của hai hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 và ngày 25/4/2019, ông H cho rằng bị ép buộc khi ký tên giấy nhận nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại cấp phúc thẩm, ông H không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới nào khác, từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ xác định cấp sơ thẩm xác định số tiền vay ông H còn nợ ông T là 1.100.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Người đại diện ủy quyền của ông H cho rằng, hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 ông H có ký tên nhưng không nhận tiền vay nên không có nợ, là trái với nhận định trên nên không được hội đồng xét xử chấp nhận. Về lời trình bày của ông H thừa nhận theo Hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 còn nợ ông T 600.000.000 đồng và nợ thêm 300.000.000 đồng theo hai giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 và ngày 08/01/2019, tổng cộng ông H thiếu 900.000.000 đồng và đã trả cho ông T 200.000.000 đồng trong thời gian ông T ký hợp đồng với công ty đòi nợ Hoàng P và do công ty nhận; tuy nhiên ông T không khởi kiện ông H theo giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 và ngày 08/01/2019 nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét số tiền 300.000.000 đồng này là đúng quy định; đồng thời theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28/11/2020 giữa Công ty CP DV đòi nợ Hoàng P và ông Đặng Minh T (BL 185) không thể hiện có thu hồi được số tiền 200.000.000 đồng và ông H không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi suất:

Về Hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 có công chứng của Văn phòng Công chứng C tỉnh Tiền Giang, nội dung: Ông Đặng Minh T (Bên A) cho ông Nguyễn Văn H (Bên B) số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, không thỏa thuận lãi suất vay (BL 14). Ông H thừa nhận số tiền vay này nhưng không thống nhất về mức lãi suất thỏa thuận bằng lời nói với nhau; ông T khai lãi suất là 3% tháng và có nhận tiền lãi đến hết tháng 9/2019, phía ông H khai lãi suất vay là 5% tháng và chưa thực hiện việc trả vốn và lãi.

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 có công chứng của Văn phòng Công chứng C tỉnh Tiền Giang, nội dung: Ông Đặng Minh T (Bên A) cho ông Nguyễn Văn H (Bên B) số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, không thỏa thuận lãi suất vay. Ông H không thừa nhận khoảng tiền vay có lãi này, về phía ông T thừa nhận có nhận tiền lãi 3%/tháng từ tháng 05/2019 đến tháng 9/2019.

Như vậy, cả 02 hợp đồng vay tiền nêu trên đều có tranh chấp về tiền vay và tiền lãi suất.

Xét, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì trường hợp này lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ là 10%/năm. Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 là chưa chính xác, cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 trên số tiền gốc đến ngày xét xử sơ thẩm được trừ số tiền lãi ông T thừa nhận đã nhận, được tính như sau:

- Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng, ông T nhận lãi từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 là 06 tháng, lãi suất 3%tháng, thành tiền 108.000.000 đồng: 600.000.000 đồng × 0,83%/tháng (10%/năm: 12 tháng) × 46 tháng (từ 05/3/2019 đến 12/01/2023, ông T đồng ý làm tròn tháng) = 229.080.000 đồng – 108.000.000 đồng = 121.080.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông H phải trả cho ông T Hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 là: 600.000.000 đồng tiền vốn gốc + 121.080.000 đồng tiền lãi = 721.080.000 đồng.

- Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng, ông T nhận lãi từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2019 là 05 tháng, lãi suất 3%tháng, thành tiền 75.000.000 đồng: 500.000.000 đồng × 0,83%/tháng (10%/năm: 12 tháng) × 44 tháng (từ 25/4/2019 đến 12/01/2023, ông T đồng ý làm tròn tháng) = 182.600.000đồng – 75.000.000 đồng = 107.600.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông H phải trả cho ông T Hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 là: 500.000.000 đồng tiền vốn gốc + 107.600.000 đồng tiền lãi = 607.600.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền ông H phải trả cho ông T là 721.080.000 đồng + 607.600.000 đồng = 1.328.680.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2.3] Xét, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thay đổi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 11 năm 2020 là phù hợp với quy định pháp luật, cần giữ nguyên.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 137; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357; khoản 1 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh T số tiền 1.328.680.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu Thi hành án nếu ông H chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Thay đổi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C bằng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H phải chịu 51.860.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông T số tiền tạm ứng án phí là 26.223.500 đồng theo biên lai thu số 0003529 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại ông H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021425 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. C;
- THADS H. C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt